

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T tiến đến hôn nhân thông qua mai mối, không tìm hiểu trước, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 28/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã V (nay là phường T, thành phố V),

tỉnh Vĩnh Long. Bà và ông T sống hạnh phúc không bao lâu thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T gia trưởng, thường xuyên rượu chè, cự cãi, Bà có khuyên răn nhưng ông T không sửa đổi, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau và sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Sau thời gian chịu đựng, xét thấy cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên Bà yêu cầu giải quyết được ly hôn ông T. Về con chung: Bà và ông T có hai người con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 27/4/2003, đã trưởng thành có khả năng lao động được nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Anh T1, sinh ngày 11/5/2005, nay con đang sống chung và sau khi ly hôn bà K yêu cầu được nuôi Anh T1 đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Bà K khai trong quá trình hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn Bà và ông T không có nợ chung. Tại phiên tòa bà K có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ông T vắng mặt đến lần thứ hai.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Nguyễn Hữu T vắng mặt suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông Tài vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà K có đơn xin xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

Hiện nay, bà K và ông T sống ly thân từ đầu năm 2021, sau khi phát

sinh mâu thuẫn vợ chồng Ông, Bà không yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Ông, Bà; Minh T là con đã trưởng thành, tại bản khai Anh T1 có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Bà K xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do ông T gia trưởng, thường xuyên rượu chè, cự cãi, bất đồng quan điểm sống; ông T không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của bà K. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà K đã xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Bà và ông Tài có thời gian sống ly thân nhau đã lâu, bà K xin ly hôn ông T đã biết nhưng không đến Tòa để giải quyết, cũng không tìm bà Kiều để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, từ đó cho thấy ông T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà K, Bà kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà K và ông Tài có người con chung là Minh T1 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; còn Anh T1 hiện nay đang sống với bà K và sau khi ly hôn vẫn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, nguyện vọng của con muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng Bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà K tự thỏa thuận với ông T nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà K khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông T không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ, ông T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Hữu T.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà K và ông T có người con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/4/2003 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao Nguyễn Anh T1, sinh ngày 11/5/2005 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của Anh T; ông T không cấp dưỡng nuôi con;

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0000262 ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Bà K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi ly hôn ông T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND P.Tân Hòa, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 11 năm 2021;
 Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;
 Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan
Các Hội thẩm nhân dân:

- Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2021 về “Tranh chấp Xin ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kiều**, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: 160C, khóm Tân Quới, phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: 508A khóm Tân Quới Đông, phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xử vắng mặt);

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hữu Tài**, sinh năm: 1972; địa chỉ: 160C, khóm Tân Quới, phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều và ông Nguyễn Hữu Tài.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà Kiều và ông Tài có người con chung là

.....

Út tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân của bà Mười Hai và ông Út là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Mười Hai và ông Út phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đã gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn, nay Ông, Bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy, bà Mười Hai và ông Út không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mười Hai yêu cầu ly hôn và được ông Út đồng ý

